

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 05-5-2020
V/v Tranh chấp Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Dệt.

2. Ông Nguyễn Ngọc Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 05/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLST - DS ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 13/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 28/02/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Vũ Trung C, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn TS, xã VT, huyện NC, Thanh Hóa

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Quế - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn QT, xã VT, huyện NC, Thanh Hóa

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn T

Địa chỉ: Thôn QT, xã VT, huyện NC, Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt ông C, bà Quế, vắng mặt bà L và ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2019 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn ông Vũ Trung C trình bày:

Ngày 31/01/2016 bà Nguyễn Thị L trú tại thôn QT, xã VT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa có đến gia đình ông vay số tiền 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu), thời hạn vay 10 ngày, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng 1%/tháng nên khi viết giấy thì không đề cập đến lãi. Ông Lê Văn T (chồng bà L) là người thừa kế. Từ khi vay đến nay đã nhiều lần ông đến nhà bà L, ông T đòi nợ nhưng bà L, ông T cố tình không trả. Nay ông yêu cầu bà L, ông T phải trả cho ông gồm:

Tiền gốc 1.600.000.000đ; tiền lãi ông chỉ tính từ ngày 31/01/2016 đến 30/9/2019 là 44 tháng x 1% x 1.600.000.000đ = 704.000.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 2.304.000.000đ (Hai tỷ ba trăm linh bốn triệu đồng chẵn).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà L và chồng là ông T phải trả cho ông số tiền gốc là 1.600.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

- Về phía bà Nguyễn Thị L và Lê Văn T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn T đến Tòa án để làm việc nhiều lần nhưng bà L và ông T vẫn không chấp hành theo nội dung giấy triệu tập.

Ngày 04/12/2019, Tòa án nhân dân huyện Nông Công đã tiến hành làm việc với chị Lê Thị G là con gái của bà L và ông T, chị G trình bày việc chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và thông báo cho bà L biết, tuy nhiên bà L không có ý kiến gì. Hiện tại bà L không có mặt tại địa phương mà đi điều trị tại TP Hồ Chí Minh, khi ở bệnh viện này, lúc ở bệnh viện khác nên chị không biết cụ thể bà L đang ở đâu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nông Công đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà L và ông T và tổ chức hòa giải tại UBND xã VT, NC nhiều lần nhưng không thể tiến hành được phiên hòa giải, vì vắng mặt bà L và ông T.

Do tòa án đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải và làm việc với bà L, ông T nhiều lần nhưng không thực hiện được, vì vậy không có lời khai bà L với ông T và không tổ chức được phiên hòa giải giữa các bên đương sự.

Ngày 28/02/2020 Tòa án nhân dân huyện Nông Công đã mở phiên tòa xét xử nhưng bà L và ông T vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa.

Ngày 13/3/2020 Tòa án nhân dân huyện Nông Công mở phiên tòa xét xử lần 2 ông C vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa.

Ngày 10/4/2020 Tòa án tiếp tục mở phiên tòa nhưng bà Quế là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị hoãn phiên tòa vì không thể tham gia phiên tòa do đang cách ly xã hội theo chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 05/5/2020 có mặt ông C, bà Quế; bà L và ông T vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, vì vậy bà L và ông T không có quan điểm về việc giải quyết vay nợ.

** Trợ giúp viên pháp lý trình bày:* Bà L có viết giấy vay tiền với ông Vũ Trung C ngày 31/01/2016 với số tiền vay là 1.600.000.000đ, thời gian vay 10 ngày, sau khi đến hạn trả nợ nhưng bà L không trả được nợ, vì vậy bà L đã viết giấy khất nợ với ông C vào ngày 09/3/2016 cam kết trả nợ trước ngày 09/6/2016. Tuy nhiên sau đó bà L vẫn không trả được số tiền đã vay và ông C đã đề nghị UBND xã Vạn Thắng giải quyết, tại buổi làm việc của UBND xã, bà L cho rằng bà không vay tiền của ông C mà bà chỉ ký nhận thay cho bà N, sau đó bà N bỏ trốn nên bà L không có tiền trả cho ông C. Từ những chứng cứ nêu trên, trợ giúp viên pháp lý cho rằng có đủ cơ sở kết luận việc bà L có vay của ông C số tiền 1.600.000.000đ.

Vì vậy đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 305 Bộ luật dân sự, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị L phải trả lại số tiền đã vay của ông Vũ Trung C là 1.600.000.000đ.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

**** Về tố tụng:***

- *Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thu lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án.

**** Về nội dung:***

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 157; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vũ Trung C.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông C số tiền gốc đã vay là 1.600.000.000đ.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về lãi suất của ông Vũ Trung C.

3. Về án phí: Buộc bà L phải chịu án phí DSST có giá ngạch số tiền 60.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Giao dịch dân sự giữa ông Vũ Trung C và bà Nguyễn Thị L là quan hệ vay tài sản theo quy định tại điều 463 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, khi vay nợ, hai bên cam kết thời hạn vay là 10 ngày, đến hạn trả nợ bà L vẫn không trả được nợ. Đến ngày 09/3/2016 bà L viết giấy cam kết sẽ trả hết nợ vào ngày 09/6/2016 nhưng đến thời hạn cam kết bà L vẫn không trả được nợ cho ông C. Trước khi khởi kiện tại Tòa án, ông C đã đề nghị UBND xã VT, NC hòa giải hai bên nhưng bà L không thừa nhận khoản nợ mà cho rằng bà chỉ nhận nợ thay cho cho bà N và bà N đã bỏ trốn nên bà không trả được số tiền trên cho ông C. Ngày 25/9/2019, ông C khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Nông Công, vì vậy ông C đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của BLTTDS và Điều 429 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên việc bà L viết giấy vay tiền với ông C là có cơ sở chấp nhận, vì vậy xác định đây là quan hệ tranh chấp kiện đòi lại tài sản theo quy định tại điều 166 của Bộ luật dân sự và là tranh chấp về quyền sở hữu theo quy định tại khoản 2 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn T là người có hộ khẩu thường trú tại thôn QT, xã VT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa vì vậy tranh chấp giữa ông Vũ Trung C và bà Nguyễn Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Công theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Vũ Trung C sinh năm 1952, khi khởi kiện, ông C đã 67 tuổi, và ông Vũ Trung C có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà L và ông T đến Tòa án và trụ sở UBND xã VT, NC để tiến hành việc hòa giải nhưng bà L và ông T không có mặt, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải, đây là trường hợp không thể tiến hành phiên hòa giải theo quy định tại điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 28/02/2020 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã mở phiên tòa sơ thẩm theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 13/02/2020 nhưng bà L và ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ngày 05/5/2020, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên bà L và ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Do đã tổng đạt hợp lệ hai lần cho bà L và ông T nhưng bà L và ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy cần áp dụng điều 227 và điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án: Tại phiên tòa ông Vũ Trung C thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông số tiền đã vay ngày 31/01/2016 là 1.600.000.000đ, ông rút không yêu cầu bà L phải trả tiền lãi.

Về phía bà L, ông T đã được con gái là chị Lê Thị G thông tin cho biết nội dung ông C khởi kiện nhưng ông, bà không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, tại các buổi làm việc của UBND xã VT, bà L thừa nhận có viết giấy vay tiền với ông C nhưng cho rằng bà chỉ nhận nợ thay cho bà N và bà N là người nhận tiền, bà L không được sử dụng số tiền trên nên không có tiền để trả cho ông C. Vì vậy có cơ sở khẳng định bà L vay tiền của ông C vào ngày 31/01/2016.

Xét đề nghị của ông Vũ Trung C yêu cầu bà L phải trả cho ông tiền gốc 1.600.000.000đ thấy rằng: Ngày 31/01/2016 bà L có viết giấy vay số tiền 1.600.000.000đ thời hạn vay 10 ngày, đến ngày 09/3/2016 bà L tiếp tục viết một giấy khất nợ và hẹn đến ngày 09/6/2016 sẽ trả cả gốc và lãi cho ông C. Tại các buổi làm việc của UBND xã VT, NC, bà L thừa nhận viết các giấy trên. Vì vậy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Trung C về việc buộc bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền đã vay cho ông C.

Đối với việc rút không yêu cầu bà L phải trả số tiền lãi của ông Vũ Trung C thấy rằng yêu cầu này là phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của ông C được chấp nhận nên buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí DSST có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 166; Điều 357; Điều 466 và Điều 468 của BLDS. Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị L trú tại: thôn QT, xã VT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa phải trả cho ông Vũ Trung C, trú tại thôn TS, xã VT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa số tiền 1.600.000.000đ (*Một tỉ sáu trăm triệu đồng*).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu bên phải thi hành không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi xuất theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) án phí DSST.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt ông C, trợ giúp viên pháp lý; vắng mặt bà L, ông T. Ông C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà L, ông T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh